TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2023/DS-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 20223 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm 13, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị M: Bà Nguyễn Thị Sợi – Luật sư của Công ty luật Vũ Trình – thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà nội. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trịnh Duy T, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn 14, xã D, huyện Cư Jut, tỉnh Đắc Nông; (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trịnh Duy H, sinh năm: 1955; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thạnh Hóa huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; (vắng mặt)

- Bà Trịnh Thị M, sinh năm 1957; địa chỉ: số nhà 23, đường Nguyễn Sinh Cung, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. (vắng mặt)

- Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã P, huyện Hải Hậu. (có mặt)

- Bà Bùi Thị K (Trịnh Thị K), sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 2, xã Hải Hà, huyện Hải Hậu. (có mặt)

- Chị Trịnh Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm Cồn Tròn Đông, xã Hải H, huyện Hải Hậu. (vắng mặt)

- Chị Trịnh Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm Xuân Trung, xã Hải H, huyện Hải Hậu. (vắng mặt)

- Chị Trịnh Thị E, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 10, tổ 14, ấp Phước Lâm, xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm Xuân Trung, xã Hải H, huyện Hải Hậu. (vắng mặt)

- Ông Bùi Đức N, sinh năm 1957 và bà Bùi Thị R, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức N, bà Bùi Thị R: Ông Bùi Văn Kham, sinh năm 1964; địa chỉ: Xóm Triệu Phúc, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (theo văn bản ủy quyền ngày 20-7-2023) (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Duy T, ông Trịnh Duy H: Bà Trịnh Thị T (theo văn bản ủy quyền ngày 14-6-2023 và ngày 14-8-2023).

Đại diện theo ủy quyền của chị Trịnh Thị E: Anh Trịnh Văn V. (theo văn bản ủy quyền ngày 08-8-2023).

Người làm chứng:

- Ông Trần Quang Z, sinh năm 1937; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

- Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm Đông Biên, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. (vắng mặt)

NỘI B VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19-4-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị M trình bày:

Bố mẹ đẻ bà M là cụ Trần Thị Thìn (chết năm 2003) và cụ Đoàn Văn Thao (chết năm 1951). Cụ Thìn kết hôn với cụ Thao và có một người con chung là bà M. Năm 1951 cụ Thao chết, đến năm 1954 cụ Thìn kết hôn với cụ Trịnh Duy Đát sinh được 5 người con chung gồm: Ông Trịnh Duy H, ông Trịnh Duy T, bà Trịnh Thị M, bà Trịnh Thị T, bà Bùi Thị K (tức Trịnh Thị K). Trước khi kết hôn với cụ Thìn thì cụ Đát cũng đã có một người con riêng là ông Trịnh Ngọc Vinh (đã chết năm 2018). Vợ ông Vinh là bà Vũ Thị Chỉ (chết năm 2015), ông Vinh và bà Chỉ có 04 người con chung là: Chị Trịnh Thị B, chị Trịnh Thị C, chị Trịnh Thị E và

anh Trịnh Văn V. Ngoài ra, cụ Thìn và cụ Đát không còn người con chung, con nuôi nào khác. Bà K thì khi mới 11 ngày tuổi do cụ Đát đã chết, gia đình khó khăn đông con nên cụ Thìn cho đi làm con nuôi người khác, do đó, từ bé bà K theo họ Bùi là họ của bố nuôi bà K.

Năm 1961 cụ Đát chết không để lại di chúc. Trước khi cụ Đát chết thì cụ Thìn và cụ Đát chung sống với nhau tại một ngôi nhà thuê, không có tài sản gì có giá trị. Sau khi cụ Đát chết, vì hoàn cảnh mẹ góa con côi quá khó khăn, nhà đông con nên đến năm 1962 cụ Thìn đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã P cấp đất theo diện chính sách gia đình khó khăn và được xã P xét duyệt cấp cho thửa đất tại xóm Đông Biên, xã P (thửa đất hiện đang tranh chấp). Đến năm 1998, thửa đất của cụ Thìn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 70 tờ bản đồ số 25, diện tích 120 m^2 (ONT) đứng tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn). Trên thửa đất này trước đây cụ Thìn có xây 01 nhà 3 gian cấp 4 lợp ngói tây và công trình phụ trên đất, những năm cuối đời cụ sinh sống tại thửa đất này cùng chị gái là cụ Trần Thị Sửu. Đến nay, trên đất của hộ cụ Thìn không còn công trình gì, do đã xuống cấp, ông T đã phá dỡ hết.

Năm 2003 cụ Thìn chết không để lại di chúc, ngay sau khi làm đám tang cho cụ Thìn xong, anh chị em trong gia đình tìm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Thìn nhưng không thấy. Vì vậy, năm 2003 gia đình đã báo cáo Ủy ban nhân dân xã P về việc gia đình mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Thìn. Ngày 19-6-2003 tất cả anh em trong gia đình đã họp và thống nhất để cụ Trần Thị Sửu (chị gái cụ Thìn) trông coi nhà đất của cụ Thìn, không ai được tự ý giải quyết thửa đất bằng bất cứ hình thức nào, cuộc họp có ghi lại thành biên bản, mọi người con trong gia đình cùng ký tên. Năm 2007, cụ Sửu chết, từ đó đến nay ông T là người quản lý nhà đất của cụ Thìn để lại nhưng ông T ở xa cũng không trực tiếp trông coi được mà sau này cho người khác đến mượn đất làm cửa hàng cơ khí đến nay họ cũng đã trả lại mặt bằng. Ngày 20-3-2023, bà M được biết thông tin ông T đang có ý định làm thủ tục chuyển N thửa đất số 70 tờ bản đồ số 25 của hộ cụ Thìn cho người khác nhưng không hỏi ý kiến của bà M và bà K vì cho rằng bà M là con riêng của cụ Thìn, bà K thì đã cho đi làm con nuôi nên không được hưởng tài sản của cụ Thìn để lại. Từ đó bà M mới biết bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ bà Trinh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn) hiện nay đang do ông T quản lý chứ không phải đã mất. Thời gian gần đây ông T đã làm đính chính tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên hộ bà Trịnh Thị Đát thành tên hộ bà Trần Thị Thìn. Khi phát hiện việc ông T đang có ý định chuyển N thửa đất của cụ Thìn cho người khác, bà M đã có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã P và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu đề nghị tạm dừng việc làm các thủ tục đăng ký biến động thửa đất. Đến nay anh em trong gia đình không có tiếng nói chung trong việc phân chia di sản thừa kế của cụ Thìn để lại nên bà M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản của cụ Thìn để lại.

Tại buổi đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp thì hộ liền kề là hộ ông Bùi Đức N đã xây một phần tường bao phía Nam thổ sang đất của hộ cụ Thìn. Công ty đo đạc đã cung cấp sơ đồ đo hiện trạng thể hiện một phần tường bao nhà ông N xây sang đất của hộ cu Thìn là 9,4m^2. Nay ông N, bà R đã công nhận ranh giới đất của cụ Thìn đúng như sơ đồ đo hiện trạng của công ty Ân Khánh cung cấp, phần tường bao còn lại trở về Bắc, ông N đã xây hết đất, bà M nhất trí. Tuy nhiên, hiện nay hộ ông N đang đặt đường ống nước bên đất của hộ cụ Thìn (bên Tây tường bao của hộ ông N), bà M đề nghị gia đình ông N chuyển ống nước đi để tránh xảy ra tranh chấp sau này, vì đất của hộ cụ Thìn đang đưa ra chia thừa kế.

Nay bà M đề nghị Tòa án xác định quyền sử dụng thửa đất số 70 tờ bản đồ số 25, diện tích 120 m^2 đứng tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn) thuộc di sản thừa kế của riêng cụ Thìn và chia di sản thừa kế của cụ Thìn để lại cho các đồng thừa kế của cụ Thìn theo quy định của pháp luật. Kỷ phần của bà M được hưởng bà đề nghị nhận bằng giá trị.

Bị đơn ông Trịnh Duy T quá trình tố tụng có lời khai trình bày: Về mối quan hệ gia đình bố mẹ, con cái, con riêng của cụ Đát, con riêng của cụ Thìn như bà M trình bày là đúng. Về nguồn gốc thửa đất số 70 tờ bản đồ số 25, diện tích 120 m^2 đứng tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn), theo ông T thì khi ông còn nhỏ cụ Đát đã chết, sau đó ông sống cùng cụ Thìn trên thửa đất số 70 nên ông cũng không biết khi cụ Đát còn sống thì cụ Thìn và cụ Đát đã được nhà nước cấp cho thửa đất này hay chưa. Do đó, ông T đề nghị Tòa án xác minh về nguồn gốc đất của hộ cụ Thìn, nay Tòa án đã xác minh thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn có sau khi cụ Đát chết, ông T nhất trí kết quả xác minh, không ý kiến gì vì ông không có tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án để xác định nguồn gốc đất. Tuy trích lục khai tử Ủy ban nhân dân xã P cung cấp thì cụ Đát chết năm 1960 nhưng nay ông T xác nhận cụ Đát chết năm 1961 cùng năm sinh của bà K là đúng. Cụ Thìn chết năm 2003, trước khi chết, cụ Đát và cụ Thìn đều không để lại di chúc. Bà K từ khi được hơn 10 ngày tuổi thì cụ Thìn đã cho đi làm con nuôi là đúng. Khi cụ Thìn còn sống thì có cụ Sửu là chị gái sống cùng trên thửa đất số 70. Đến năm 2007 cụ Sửu chết, từ sau đó đến nay, ông T là người được anh chị em trong gia đình thống nhất giao cho quản lý nhà đất của hộ cụ Thìn. Trước đây ông T đã cho ông Hải hàng xóm mượn đất để làm cơ khí, năm 2023 ông Hải đã trả lại đất, vì công trình nhà cấp bốn của cụ Thìn đã xuống cấp đổ sập nên ông T có thu dọn và rào lại bằng lưới B40 để đảm bảo vệ sinh khu xóm. Đến tháng 3/2023, ông H, ông T, bà M và bà T đã bàn bạc thống nhất đề nghị xã P đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ cụ Thìn, tên hộ bà Trịnh Thị Đát đính chính lại thành hộ bà Trần Thị Thìn. Ngoài ra, ông T và các ông bà trên không có mục đích chuyển N thửa đất của hộ cụ Thìn cho ai. Nay bà M yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Thìn là quyền sử dụng thửa đất số 70 cho các đồng thừa kế của cụ Thìn theo quy định của pháp luật, ông T không nhất trí. Ông có nguyện vọng để lại thửa đất trên làm nơi thờ cúng chung cho con cháu có chỗ đi về. Trường hợp bà M nhất quyết yêu cầu chia thừa kế thì ông T đề nghị nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn để

mục đích thờ cúng, ông sẽ có trách nhiệm R toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế khác. Về ranh giới đất của hộ cụ Thìn với hộ ông N, đến nay vợ chồng ông N nhất trí trả đủ đất cho hộ cụ Thìn thì ông T cũng nhất trí không ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị K, quá trình tố tụng tại Tòa án có lời khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn bà M. Bà K nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của bà M trình bày ở trên, khi chia thừa kế của cụ Thìn thì bà đề nghị nhận kỷ phần thừa kế của mình bằng giá trị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị T, quá trình tố tụng tại Tòa án có lời khai thống nhất với lời khai của bị đơn ông T. Bà T cũng xác nhận cụ Đát chết năm 1961 đúng như bà M trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đề nghị Tòa xác minh nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P của hộ cụ Thìn là có từ trước hay sau khi cụ Đát chết. Nay Tòa án đã xác minh thửa đất trên cụ Thìn được cấp sau khi cụ Đát chết nên bà nhất trí không ý kiến gì. Bà T không nhất trí yêu cầu chia thừa kế của bà M mà bà có nguyện vọng để lại thửa đất trên làm nơi thờ cúng chung cho con cháu có chỗ đi về. Trường hợp phải chia thừa kế của cụ Thìn thì bà T và ông H đề nghị tặng cho kỷ phần thừa kế của mỗi người cho ông T bằng hiện vật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Duy H đã ủy quyền cho bà T tham gia vụ án nên ý kiến của ông H thống nhất ý kiến của bà T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Văn V, quá trình tố tụng tại Tòa án có lời khai thống nhất với lời khai của nguyên đơn bà M về mối quan hệ gia đình, con chung, con riêng của cụ Thìn, cụ Đát. Bố anh V là ông Trịnh Ngọc Vinh (đã chết năm 2018) là con riêng của cụ Đát. Mẹ anh V là bà Vũ Thị Chỉ, đã chết năm 2015. Ông Vinh, bà Chỉ sinh được 4 người con chung gồm: Chị C, chị B, chị E và anh V. Trước đây anh V có nghe bố anh kể lại là năm ông Vinh 12 tuổi thì cụ Đát chết, do cuộc sống khó khăn, nhà đông em nên ông Vinh đã đi nơi khác mưu sinh cuộc sống và không chung sống cùng cụ Thìn và các em nữa. Trước khi đi nơi khác sống thì ông Vinh cũng có thời gian sống trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 của hộ cụ Thìn. Anh V xác nhận cụ Đát chết năm 1961 đúng như bà M trình bày. Còn về nguồn gốc thửa đất này có từ trước hay sau khi cụ Đát chết thì anh V cũng không biết được. Về yêu cầu của bà M đề nghị xác định tài sản thửa đất số 70 là của riêng của cụ Thìn, anh V không nhất trí vì theo anh mặc dù cụ Đát có chết trước khi cụ Thìn được cấp thửa đất số 70 thì cũng là do cụ Đát có tài sản để lại cho cụ Thìn thì cụ Thìn mới mua đất nhưng anh không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án. Do đó, anh V đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P là tài sản chung của cụ Đát và cụ Thìn. Anh V cũng có nguyện vọng để lại thửa đất trên làm nơi thờ cúng chung của ông bà, trường hợp phải chia thừa kế thì anh V đề nghị chia cho 4 chị em của anh (4 người con của ông Vinh) nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị. Về ranh giới đất của hộ bà Thìn với hộ ông N thì anh V nhất trí như ý kiến của bà M. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị E quá trình giải quyết vụ án đã ủy quyền cho anh V tham gia nên anh V xác nhận ý kiến của chị

E thống nhất với ý kiến của anh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Bùi Đức N, bà Bùi Thị R quá trình tố tụng đã ủy quyền cho ông Bùi Văn Kham tham gia vụ án, ông Kham có ý kiến trình bày: Vợ chồng ông N, bà R nhất trí với sơ đồ đo hiện trạng của công ty Ân Khánh thể hiện phần đất phía Đông Nam thổ cụ Thìn còn 9,4m^2 đất nằm bên phía Đông tường bao của ông N, bà R. Do trước đây cụ Thìn còn sống thì có xây một bếp cấp bốn ở vị trí đất đó, sau cụ có nhất trí chuyển N phần đất này (9,4m^2) cho ông N, bà R nhưng cụ không lấy tiền, cụ chỉ nói miệng nên không có thủ tục văn bản, giấy tờ gì. Nay các con cụ Thìn xảy ra tranh chấp thì ông N, bà R nhất trí công nhận phần đất 9,4m^2 đất trên sơ đồ là thuộc đất cụ Thìn. Ông N, bà R công nhận thửa đất cụ Thìn đủ 120m^2, ông bà không có tranh chấp ranh giới, mô mốc đất với hộ cụ Thìn nên nhất trí trả lại phần đất 9,4m^2 trên. Hiện nay vợ chồng ông N, bà R đang đặt một đường ống thoát nước trên đất của hộ cụ Thìn (phía Tây tường bao của nhà ông N), vì đất hộ cụ Thìn đang có tranh chấp nên sau này Tòa án giải quyết vụ án xong thì gia đình ông N nhất trí chuyển đường ống nước đi vị trí khác. Do đó, ông Kham không đề nghị Tòa án đo đạc thổ đất hộ ông N vì ông N, bà R đã xác nhận không có tranh chấp ranh giới, đất của hộ cụ Thìn vẫn đủ 120m^2. Vì công việc bận nên ông Kham xin vắng mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng gồm ông Trần Quang Khải (người cao tuổi) và bà Đỗ Thị C (hàng xóm ở gần đất cụ Thìn) đều có lời khai xác nhận khi cụ Đát còn sống thì cụ Đát và cụ Thìn có chung sống với nhau ở nơi khác (vị trí đất hiện nay thuộc về tổ dân phố số 5, thị trấn Yên Định), chứ không phải ở vị trí thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Sau khi cụ Đát chết thì mẹ con cụ Thìn mới đến ở tại thửa đất hiện nay đang tranh chấp là thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P. Về nguồn gốc thửa đất số 70 thì theo ông Khải trình bày cụ Thìn mua lại của ông Cai Lý và cụ ở trên đất này từ đó cho đến khi chết.

Tại phiên tòa:

- Ông T trình bày bổ sung: Tuy thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn có sau khi cụ Đát chết nhưng cụ Đát trước khi chết cũng để lại nhiều tài sản thì cụ Thìn mới mua được đất nên ông xác định quyền sử dụng thửa đất số 70 là tài sản chung của cụ Đát và cụ Thìn. Do bà M là con riêng của cụ Thìn, ông Vinh là con riêng của cụ Đát nên ông T đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà M và ông Vinh được chung một suất thừa kế, còn lại 5 người con chung của hai cụ mỗi người được một suất thừa kế. Ngoài ra, ông T không có đề nghị gì khác.

- Bà T trình bày bổ sung: Quá trình giải quyết vụ án, bà và ông H có nhất trí tặng cho kỷ phần thừa kế của mình cho ông T nhưng đến nay bà thay đổi ý kiến. Vì nếu mọi người đều nhất trí để lại đất để thờ cúng thì bà T nhất trí tặng cho ông T nhưng nay phải chia thừa kế theo quy định thì bà và ông H đều đề nghị nhận kỷ phần của mình được chia bằng giá trị. Còn sau đó nếu ông H có cho ông T như thế nào thì giữa ông H và ông T tự làm việc với nhau sau.

- Các đương sự bà M, bà K giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn - Luật sư Nguyễn Thị Sợi trình bày nhất trí với toàn bộ lời khai và các yêu cầu khởi kiện ở trên của nguyên đơn bà M, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Những người liên quan gồm bà M, chị B, chị C đã không tham gia làm việc theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do là không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội B vụ án: Căn cứ các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị M. Do tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 70, tờ số 25 xã P mang tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn) được hình thành sau khi cụ Đát chết, không có căn cứ xác định tài sản này do cụ Thìn mua được là do cụ Đát để lại tài sản cho cụ Thìn. Do đó, xác định 120 m^2 đất (ONT) thuộc thửa số 70, tờ số 25 xã P mang tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn) là di sản thừa kế cụ Trần Thị Thìn để lại. Cụ Thìn chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của cụ Thìn theo pháp luật cho 6 đồng thừa kế thuộc hàng thứ nhất gồm: Bà M, ông H, ông T, bà M, bà T, bà K. Thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn diện tích 120m^2 có trị giá 1.320.000.000đ, chia cho 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 220.000.000đ. Kỷ phần thừa kế của bà M, bà K, bà T, ông H đề nghị nhận bằng giá trị. Kỷ phần của ông T đề nghị nhận bằng hiện vật và ông T đề nghị nhận sử dụng toàn bộ thửa đất và R toán giá trị cho những đồng thừa kế khác bằng giá trị. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao toàn bộ thửa đất số 70, tờ số 25 xã P của hộ cụ Thìn cho ông T sử dụng, ông T có trách nhiệm R toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế còn lại của cụ Thìn là phù hợp.

Các vấn đề khác và về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị E vắng mặt đã ủy quyền cho anh Trịnh Văn Vinh; ông Trịnh Duy H vắng mặt đã ủy quyền cho bà Trịnh Thị T. Ông Bùi Đức N, bà Bùi Thị R vắng mặt đã ủy quyền cho ông Bùi Văn Kham, ông Kham vắng mặt đã có đề nghị xin vắng mặt. Bà Trịnh Thị M, chị Trịnh Thị B, chị Trịnh Thị C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Anh Trịnh Văn V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người làm chứng ông Trần Quang Khải, bà Đỗ Thị C đã có ý kiến vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Bà Đoàn Thị M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có địa chỉ tại xóm Đông Biên, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về việc xác định nguồn gốc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P và xác định di sản thừa kế:*

Đối với thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn), đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30-12-1998, các đương sự bà M, bà K đều kê khai có nguồn gốc là vào năm 1962 cụ Thìn được nhà nước cấp theo diện gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Khi đó do cụ Đát đã chết năm 1961, chết trước khi nhà nước cấp đất cho cụ Thìn nên thửa đất trên thuộc tài sản riêng của cụ Thìn. Ông T, bà T và anh V không biết về nguồn gốc thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn có từ khi nào nên đề nghị Tòa án xác minh nguồn gốc.

Theo biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 17-8-2023, ông Nguyễn Văn Nhã – nguyên cán bộ địa chính xã P cung cấp: Ông Nhã chỉ biết thửa đất đang tranh chấp (thửa số 70, tờ số 25 xã P) của hộ cụ Thìn được thể hiện trên bản đồ 299 vào năm 1980 thì khi đó cụ Đát đã chết từ lâu, còn chết năm nào ông Nhã không biết. Đến năm 1998, thửa đất được đo đạc lại và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Thìn). Còn về nguồn gốc thửa đất trên của hộ cụ Thìn do Nhà nước cấp hay do hộ bà Thìn nhận chuyển N của ai, từ năm nào thì ông Nhã không biết được.

Những người làm chứng gồm ông Trần Quang Khải và bà Đỗ Thị C đều có lời khai xác nhận: Sau khi cụ Đát chết thì mẹ con cụ Thìn mới đến ở tại thửa đất hiện nay đang tranh chấp là thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P. Về nguồn gốc thửa đất số 70 thì theo ông Khải trình bày cụ Thìn mua lại của ông Cai Lý.

Theo tài liệu của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hải Hậu cung cấp: Thửa đất đang tranh chấp của hộ cụ Thìn được thể hiện trên bản đồ địa chính (bản đồ 299) lập năm 1980 là thửa số 665, tờ bản đồ số 3, diện tích 170m^2 (đất T). Thời điểm năm 1980, đất của hộ cụ Thìn được thể hiện trên bản đồ địa chính thì khi đó cụ Đát đã chết (chết năm 1961). Đến năm 1998, thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P, diện tích 120m^2 (ONT) mang tên hộ bà Trịnh Thị Đát. Ngày 24-3-2023, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Trịnh Thị Đát đã được Ủy ban nhân dân huyện

Hải Hậu đính chính nội B "hộ bà Trịnh Thị Đát đính chính thành hộ bà Trần Thị Thìn". Như vậy có căn cứ xác định thửa đất đang tranh chấp của hộ cụ Thìn được nhà nước công nhận trên bản đồ địa chính là sau khi cụ Đát đã chết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T, bà T, anh V không biết nguồn gốc của thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn là có trước hay có sau khi cụ Đát chết nên đề nghị Tòa án xác minh. Tòa án đã xác minh đối với những người làm chứng ông Khải, bà C đều xác nhận thửa đất số 70 hộ cụ Thìn là có sau khi cụ Đát chết. Do đó, ông T, bà T, anh V nhất trí kết quả xác minh không ý kiến gì. Tuy nhiên, ông T và anh V cho rằng cụ Đát trước khi chết thì có để lại tài sản cho cụ Thìn thì cụ Thìn mới mua được thửa đất trên nhưng ông T, anh V không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích, căn cứ nêu trên, xác định thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P được hình thành sau khi cụ Đát đã chết là sự việc có thật nên có cơ sở xác định quyền sử dụng 120m^2 đất tại thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P là tài sản riêng của cụ Thìn, không phải là tài sản chung của cụ Thìn và cụ Đát. Cụ Thìn chết năm 2003, trước khi chết không để lại di chúc, tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 70 của cụ Thìn được xác định là di sản thừa kế của cụ để lại chưa chia. Do đó, nay nguyên đơn bà M đề nghị chia thừa kế của cụ Thìn theo quy định là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về hiện trạng thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P của hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn):*

Quá trình đo đạc, thẩm định tài sản tranh chấp, bà M, bà K và anh V xác định thửa đất của hộ cụ Thìn hiện thiếu đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp, nguyên nhân do hộ liền kề là vợ chồng ông N, bà R có xây một phần tường bao phía Đông Nam đất hộ cụ Thìn lấn sang một phần đất của cụ Thìn. Qua đo đạc hiện trạng xác định phần đất vợ chồng ông N, bà R lấn sang đất của hộ cụ Thìn là 9,4m^2. Ngoài ra, hiện nay vợ chồng ông N, bà R đang đặt đường ống thoát nước bên đất hộ cụ Thìn (phía Tây tường bao của ông N, cách tường 30cm) nên bà M, bà K và anh V đề nghị vợ chồng ông N, bà R phải chuyển đường ống thoát nước đi để tránh xảy ra tranh chấp sau này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Kham - đại diện theo ủy quyền của ông N, bà R có ý kiến nhất trí công nhận phần đất 9,4m^2 nằm bên phía Đông Nam tường bao của nhà ông N là thuộc đất hộ cụ Thìn. Ông N, bà R công nhận thửa đất cụ Thìn đủ 120m^2, ông bà không có tranh chấp ranh giới, mô mốc với đất hộ cụ Thìn. Do đó, xác định hiện trạng thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P của hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn) là đủ 120m^2 đất so với đất nhà nước cấp và không có tranh chấp ranh giới đất với hộ liền kề.

Về việc vợ chồng ông N, bà R đang đặt một đường ống thoát nước bên đất của hộ cụ Thìn, vì đất cụ Thìn đang có tranh chấp nên ông Kham có ý kiến sau này Tòa án giải quyết vụ án xong thì gia đình ông N nhất trí chuyển đường ống

nước đi vị trí khác. Do đó, vợ chồng ông N, bà R phải có trách nhiệm di chuyển đường ống thoát nước bên phía Tây tường bao của gia đình mình hiện đang đặt trên đất hộ cụ Thìn (cách tường bao 30cm) là phù hợp pháp luật.

[5] *Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện:*

Về thời điểm mở thừa kế: Cụ Trần Thị Thìn chết ngày 16-6-2003, thời điểm mở thừa kế của cụ Thìn là ngày 16-6-2003. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên căn cứ Điều 184, 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[6] *Về diện và hàng thừa kế:*

Năm 2003, cụ Trần Thị Thìn chết, trước khi chết không để lại di chúc nên chia di sản thừa kế của cụ Thìn theo quy định của pháp. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thìn gồm 6 người con ruột của cụ gồm: Bà M, ông T, ông H, bà T, bà M, bà K. Ông Vinh là con riêng của cụ Đát nên theo quy định không được hưởng thừa kế của cụ Thìn, vì vậy, đến nay các đồng thừa kế của ông Vinh gồm: Chị B, chị C, chị E và anh V cũng không được hưởng thừa kế của cụ Thìn. Do đó, chia di sản thừa kế của cụ Thìn để lại là quyền sử dụng 120m^2 đất thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P trị giá 1.320.000.000đ (giá đất 11.000.000đ/1m^2) thành 6 kỷ phần cho 6 đồng thừa kế của cụ Thìn gồm bà M, ông T, ông H, bà T, bà M, bà K, mỗi kỷ phần được 20m^2 đất, trị giá 220.000.000đ.

[7] *Về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất:*

Thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn có diện tích 120m^2, chia làm 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 20m^2 đất, xét thấy phần diện tích đất chia cho mỗi kỷ phần như trên là nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự gồm bà M, bà K, bà T và ông H đề nghị nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị; bà M không có ý kiến đề nghị gì. Ông T đề nghị nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật và xin nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn, ông T có trách nhiệm R toán giá trị kỷ phần cho những đồng thừa kế khác. Do đó, xét đề nghị của ông T xin được nhận sử dụng toàn bộ thửa đất số 70 của hộ cụ Thìn và ông có trách nhiệm R toán giá trị kỷ phần cho bà M, bà K, ông H, bà T, bà M mỗi người 220.000.000đ là phù hợp với hiện trạng và pháp luật nên cần chấp nhận.

[8] *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn bà M đã nộp tiền tạm ứng xem xét thẩm định và định giá tài sản, xác nhận bà M đã nộp đủ và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Bà Đoàn Thị M, ông Trịnh Duy T, bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Duy H và bà Bùi Thị K thuộc đối tượng người cao tuổi, đã có đề nghị xin miễn án phí nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trịnh Thị M thuộc đối tượng người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải nộp án phí chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 184, 185, 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị M yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Trần Thị Thìn để lại.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị Thìn là quyền sử dụng diện tích 120m^2 đất (ONT) tại thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P, có trị giá 1.320.000.000đ (một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng).

3. Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Trần Thị Thìn:

- Chia cho ông Trịnh Duy T được quyền sử dụng 120m^2 đất (ONT) thuộc thửa số 70, tờ bản đồ số 25 xã P, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O421581 ngày 30-12-1998 mang tên hộ bà Trịnh Thị Đát (tức Trần Thị Thìn). Thửa đất có chiều cạnh như sau: Cạnh phía Nam giáp đường trục xã 13m; cạnh phía Bắc giáp thổ ông N 7,7m; Cạnh phía Tây giáp thổ bà Vy 11,3m; cạnh phía Đông giáp thổ ông N (tính từ Nam đến Bắc) gồm các đoạn 1,9m + 4m + 7,7m + 1,5 m (thước thợ) + 1,4m (có sơ đồ vẽ kèm theo).

- Ông Trịnh Duy T có trách nhiệm R toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Đoàn Thị M, bà Bùi Thị K, ông Trịnh Duy H, bà Trịnh Thị T và bà Trịnh Thị M mỗi người là 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Ông Trịnh Duy T có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của Tòa án.

4. Ông Bùi Đức N, bà Bùi Thị R có trách nhiệm di chuyển đường ống thoát nước bên phía Tây tường bao của gia đình ông N hiện đang đặt trên thửa đất số 70, tờ bản đồ số 25 xã P của hộ cụ Trần Thị Thìn (cách tường bao 30cm) đi nơi khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

- Miễn án phí cho bà Đoàn Thị M, ông Trịnh Duy T, bà Trịnh Thị T, ông Trịnh Duy H và bà Bùi Thị K.

- Bà Trịnh Thị M phải nộp 11.000.000đ (mười một triệu đồng) án phí chia thừa kế.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Việt Hùng **Nguyễn Văn Hóa** **Nguyễn Thị Hằng**